

HỆ THỐNG THƯƠNG CẢNG CỔ Ở MIỀN NAM VIỆT NAM

TS. Nguyễn Văn Đoàn¹

TS. Lee Gwi Young²

TỪ NHỮNG CẢNG THỊ SƠ KHAI CỦA VĂN HÓA ĐỒNG NAI CHO ĐẾN THƯƠNG CẢNG ÓC EO - PHÙ NAM Ở MIỀN NAM VIỆT NAM (KHOẢNG THẾ KỈ 7 TCN ĐẾN THẾ KỈ 7 SCN)

Theo dòng lịch sử, vùng đất miền Nam Việt Nam trước khi được người dân Việt chính thức khai hoang, phát triển, trở nên có sức sống mạnh mẽ như ngày nay đã trải qua nhiều giai đoạn hình thành và phát triển lâu dài. Vùng đất này được bồi tụ bởi hai hệ thống sông lớn là sông Đồng Nai và sông Mê Kông cùng với vị trí địa hình ven biển kéo dài. Nhiều lớp cư dân đã đến đây định cư, sinh sống, tạo nên đa dạng sắc thái văn hóa của cư dân vùng Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ từ thời cổ trung đại với sự tồn tại của văn hóa Đồng Nai cho đến sự ra đời và phát triển của vương quốc Phù Nam với nền văn hóa Óc Eo trong nhiều thế kỉ.

1.1. NHÓM CẢNG THỊ SƠ KHAI VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

Vùng ngập mặn ven biển Đông Nam Bộ là vùng đất thấp, hình thành muộn, địa hình bị chia cắt mạnh mẽ bởi hệ thống sông rạch chằng chịt. Điều kiện sinh thái nơi đây không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp trồng trọt mà chủ yếu phát triển phương thức khai thác tự nhiên.

Với nguyên liệu trầm tích cát, sét là điều kiện cho các ngành nghề thủ công làm gạch, làm đồ gốm, nguyên liệu than bùn, củi được làm chất đốt và nguồn lợi thủy hải sản dồi dào. Bên cạnh đó, vùng ven biển Đông Nam Bộ nằm ở vị trí chiến lược trên con đường giao thương Đông - Tây, với hệ thống sông sâu và rộng, thuận lợi cho giao thương đường thủy, đó chính là tiền đề hình thành nên các cảng thị sơ khai³.

Vùng ngập mặn Đông Nam Bộ không chỉ thu hút các nhóm cư dân vùng cao Đồng Nai, Vàm Cỏ đến chiếm lĩnh và khai thác, mà vào giai đoạn Sơ kì Sắt còn có những nhóm cư dân từ nơi khác tới đây sinh cư lập nghiệp. Di tồn vật chất mà các

¹ Giám đốc BTLS Quốc gia Việt Nam

² Nguyên Viện trưởng Viện nghiên cứu Di sản văn hóa biển Quốc gia Hàn Quốc

³ Trương Đắc Chiến, Quá trình chiếm lĩnh vùng ngập mặn Đông Nam Bộ thời tiền - sơ sử, Thông báo Khoa học (1), Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, 2016, tr.17.

nhóm cư dân này để lại rất phong phú và đa dạng, thể hiện qua hai nhóm di tích ở Cần Giờ và Long Sơn⁴.



Hình 1. Nhóm di tích Cần Giờ - Long Sơn trong vịnh Gành Rái

Tiêu biểu của nhóm Cần Giờ có di chỉ Giồng Cá Vồ và Giồng Phệt là các giồng đất đỏ thuộc ấp Hòa Hiệp, xã Long Hòa, huyện Cần Giờ, Tp. Hồ Chí Minh, ở vị trí phía nam vịnh Gành Rái cửa ngõ hướng ra Biển Đông.

Qua các kết quả khai quật khảo cổ học đã phát hiện hàng trăm mộ chum, bên cạnh đó là một số mộ đất. Di vật tùy táng rất đa dạng, gồm có các loại đồ gốm (mô hình tháp, bát chân cao, các loại bình, nắp gốm, chân đế các kiểu, các loại gốm con tiện, mảnh chậu, khay, nồi nấu kim loại, tượng động vật, tượng người,...), đồ trang sức bằng thủy tinh (hạt chuỗi đơn sắc, vòng tay), trang sức bằng đá quý (vòng tay, khuyên tai ba màu hoặc hai đầu thú làm bằng đá mã não, đá nephrite, garnet), các hiện vật bằng vàng (hạt chuỗi, nhẫn), công cụ, vũ khí bằng kim loại, đồ sắt, đồ đồng, xương và vỏ nhuyễn thể để chế tác vòng tay, hạt chuỗi,... Đây đều là những khu cư trú - sản xuất chuyên biệt chuyển sang thành khu mộ táng. Niên đại của nhóm di tích Cần Giờ được xác định trong khoảng thời gian từ 2700-2000 BP⁵.

⁴ Trương Đắc Chiến, Quá trình chiếm lĩnh vùng ngập mặn Đông Nam Bộ thời tiền - sơ sử, sđd, tr.25

⁵ Trương Đắc Chiến, Quá trình chiếm lĩnh vùng ngập mặn Đông Nam Bộ thời tiền - sơ sử, sđd, tr.27.



Hình 2. Di chỉ Giồng Phệt (Cần Giờ)



Hình 3. Sông Cần Giờ

Có thể thấy, giai đoạn này Cần Giờ là một trung tâm sản xuất thủ công lớn của khu vực với các nghề làm gốm, chế tác đồ trang sức từ thủy tinh, đá quý và vỏ nhuyễn thể, trong đó qui mô sản xuất gốm đạt tới mức công xưởng⁶.

Tiêu biểu của nhóm đảo Long Sơn có di chỉ Giồng Lớn, Giồng Ông Trọng, Bãi Cá Sóng, thuộc Tp. Vũng Tàu, nằm ở phía bắc của vịnh Gành Rái, cách Cần Giờ khoảng 10km về phía nam.



⁶ Lâm Thị Mỹ Dung, Những thương cảng cổ ở miền Trung và miền Nam Việt Nam với con đường tơ lụa trên biển, in trong Hội thảo khoa học Hệ thống thương cảng miền Trung với con đường tơ lụa trên biển - vai trò và các mối quan hệ, Hội An, 2017, tr.259

Hình 4. Di chỉ Giồng Lớn (Long Sơn)

Qua các đợt khai quật khảo cổ học đã phát hiện các di chỉ cư trú và mộ táng gồm mộ chum và mộ đất, di chỉ sản xuất gốm, đồng thời thu được một sưu tập lớn phong phú về chất liệu và loại hình, gồm có đồ gốm (trong đó có xuất hiện loại gốm đặc trưng của vùng Cần Giờ như bình Giồng Cá Vồ, bình Giồng Phệt, các loại cà ràng có trang trí, các kiểu nắp gốm, chai gốm, mô hình tháp, tượng chim, linga), đồ đá (các loại vòng tay, lục lạc bằng đá nephrite, mã não, hồng ngọc), đồ sắt (giáo, kiếm, dao găm, dao chữ S, đục), đồ thủy tinh chủ yếu là các hạt chuỗi đơn sắc, đồ vàng có số lượng và loại hình khá phong phú, gồm mặt nạ, linga, hạt chuỗi, khuyên tai, lá vàng. Ngoài ra còn có đồng tiền Ngũ Thủ thời Tây Hán.

Cũng như Cần Giờ, các nhóm cư dân ở Long Sơn chủ yếu vừa sản xuất gốm, vừa chế tác các loại đồ trang sức bằng thủy tinh và đá quý, đồng thời khai thác nguồn lợi của vùng sinh thái ngập mặn để phục vụ cho nhu cầu cuộc sống của mình. Trong đó, theo nhóm nhà nghiên cứu Vũ Quốc Hiền, gốm Giồng Lớn là sự phát triển của truyền thống gốm Giồng Cá Vồ và văn hóa Đồng Nai⁷.

Nhóm di tích Long Sơn được xác định trong khung niên đại từ thế kỉ 3TCN đến khoảng thế kỉ 1-2 SCN, tương đương với giai đoạn muộn của Cần Giờ và đã bắt đầu phát triển sang Óc Eo sớm⁸.

Ở vị trí địa lý nằm đối diện nhau trong vịnh Gành Rái có khoảng cách gần kề 10km, vào giai đoạn muộn của Cần Giờ, cư dân Cần Giờ và cư dân Long Sơn đã có sự giao lưu trao đổi rất mật thiết. Sau đó, khi nguồn nguyên liệu sản xuất đã cạn kiệt cùng với sự gia tăng dân cư, diện tích cư trú trở nên chật hẹp, các cư dân Cần Giờ đã chuyển sang cư trú trên đảo Long Sơn, tiếp tục thực hiện các hoạt động sản xuất, buôn bán và khai thác tự nhiên. Với vị trí nằm ở khu vực vịnh Gành Rái hướng ra Biển Đông, rất thuận lợi cho việc giao lưu với các nơi qua đường biển. Thông qua đặc điểm của di chỉ và di vật cho thấy nhóm Cần Giờ - Long Sơn có tính chất của những cảng thị sơ khai, có hoạt động trao đổi buôn bán với bên ngoài. Hàng hóa giao thương là các sản phẩm đồ gốm, đồ trang sức bằng thủy tinh, đá quý,... được sản xuất tại chỗ.

Nhóm di tích Cần Giờ và Long Sơn đã có những mối quan hệ rộng rãi với các khu vực khác, đó là sự giao lưu trao đổi với cư dân ở vùng cao ven sông Đồng Nai và sông Vàm Cỏ, bên cạnh đó là sự giao lưu vô cùng mật thiết với cư dân Sa Huỳnh

⁷ Vũ Quốc Hiền, Lê Văn Chiến, Khai quật di tích Giồng Lớn (Long Sơn, Vũng Tàu) năm 2005, Thông báo khoa học, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, 2006, tr.21-41

⁸ Trương Đắc Chiến, Quá trình chiếm lĩnh vùng ngập mặn Đông Nam Bộ thời tiền - sơ sử, sđd, tr.28.

ở miền Trung Việt Nam. Qua đặc trưng về táng tục mộ chum, với sự có mặt của các loại hiện vật điển hình như khuyên tai hai đầu thú, khuyên tai ba mấu, các loại đồ gốm hình con tiện hay các loại hạt chuỗi và khuyên tai bằng vàng. Điều đó cho thấy, mối quan hệ của cư dân Sa Huỳnh với nhóm di tích vùng ngập mặn Cần Giờ - Long Sơn là sự giao lưu, tiếp xúc của các nền văn hóa có không gian văn hóa liền kề nhau. Nhóm di tích Cần Giờ - Long Sơn là một dạng văn hóa riêng biệt có những yếu tố



của văn hóa Sa Huỳnh và mang yếu tố nội tại phát triển lên văn hóa Óc Eo.

Hình 5. Khuyên tai hai đầu thú và khuyên tai ba mấu khai quật ở Di chỉ Giồng Cá Vồ (Nguồn: Nguyễn Kim Dung)

Nhóm di tích Cần Giờ - Long Sơn còn có mối quan hệ rộng rãi trong khu vực Đông Nam Á thể hiện qua di vật đồ đồng, trang sức bằng đá với khuyên tai hai đầu thú, khuyên tai ba mấu, hạt chuỗi đá quý và thủy tinh, mặt nạ vàng, hạt chuỗi và lá vàng trở lỗ, khuyên tai vàng có vòng ren... cũng xuất hiện rải rác ở Philippine, Indonesia, Thái Lan, Campuchia,...

Ngoài ra, nhóm di tích Cần Giờ - Long Sơn còn có mối quan hệ với các vùng Ấn Độ, Iran, Địa Trung Hải và Nam Trung Hoa, thể hiện qua sự xuất hiện các hiện vật ngoại nhập như đồ mã não màu đỏ và đá crystal có nguồn gốc từ Nam Ấn Độ và Iran, hiện vật mã não, agate, thủy tinh có nguồn gốc từ Ấn Độ, mô hình tháp gốm, linga bằng vàng và bằng gốm mang ý nghĩa tôn giáo có mối liên hệ mật thiết với Ấn

Độ, di vật vàng của vùng Địa Trung Hải, tiền Ngũ Thù và những chiếc mặt nạ vàng có mối liên hệ với vùng Nam Trung Hoa,...⁹

Có thể thấy, nhóm Cần Giờ - Long Sơn trong vùng vịnh Gành Rái đã có những hoạt động sản xuất, dịch vụ thương mại, trao đổi sản phẩm thủ công với nhiều nơi khác thông qua tuyến thương mại trong khu vực và quốc tế, là yếu tố đặc trưng của những cảng thị sơ khai thời tiền - sơ sử trước khi phát triển lên giai đoạn văn hóa Óc Eo rực rỡ và vương quốc cổ Phù Nam hùng mạnh của những thế kỉ tiếp theo sau Công nguyên.

1.2. THƯƠNG CẢNG ÓC EO - PHÙ NAM

Dựa trên các nghiên cứu khoa học đã chứng minh từ những thế kỉ đầu sau Công nguyên, vùng đất miền Nam Việt Nam đã không ngừng phát triển. Trong sự phát triển đó đã hình thành nên vương quốc cổ Phù Nam từ thế kỉ 1 đến thế kỉ 7 trên nền tảng văn hóa Óc Eo.

Nhằm làm sáng tỏ nền văn minh của cư dân Phù Nam cổ xưa, các nhà khoa học đã lật mở từng lớp đất truy tìm dấu vết khảo cổ học cùng với việc khảo cứu các trang sử tàn mạn và bia kí minh văn chữ Phạn. Các thư tịch cổ của Trung Quốc như Tấn thư, Tống thư, Nam Tề thư, Lương thư, Trần thư được biên soạn vào các thế kỉ 6-7 dựa trên các ghi chép của hai vị quan Trung Hoa là Khang Thái và Chu Ứng dưới triều nhà Ngô thời Tam Quốc (230-280) trong quá trình đi sứ đến Phù Nam, đều có ghi chép Phù Nam là một nước lớn và có mối quan hệ quốc tế rộng rãi. Bên cạnh đó, từ đầu thế kỉ 20, nhiều nhà khoa học phương Tây, chủ yếu là các nhóm chuyên gia người Pháp đã tập trung nghiên cứu về Phù Nam cùng với dự án khai quật qui mô lớn vùng Óc Eo - Ba Thê của Giám đốc Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp là Louis Malleret năm 1944, và sau đó là hàng loạt các công trình nghiên cứu của các học giả Việt Nam đã dần tái hiện diện mạo của vương quốc cổ bị vùi sâu trong quá khứ.

Các kết quả nghiên cứu đã khẳng định chủ nhân của văn hóa Óc Eo, của nhà nước Phù Nam là những cư dân nói ngôn ngữ Mã Lai đa đảo (Malayo-polinésien

⁹ Dẫn theo Nguyễn Thị Bích Hương, Hạt chuỗi - một sản phẩm trong mạng lưới thương mại biển miền Trung Việt Nam và thế giới thời kỳ Tiền Sơ sử, in trong Hội thảo khoa học Hệ thống thương cảng miền Trung với con đường tơ lụa trên biển - vai trò và các mối quan hệ, sđd, tr.278-279; Trương Đắc Chiến, Quá trình chiếm lĩnh vùng ngập mặn Đông Nam Bộ thời tiền - sơ sử, sđd, tr.30

hay Nam Đảo¹⁰). Kết quả nghiên cứu khoa học đã chứng minh dấu tích của những nhóm cư dân Nam Đảo từ nhiều thế kỉ trước Công nguyên đã có nhiều đợt thiên di đến vùng ven biển miền Trung và Nam Việt Nam, cộng cư với một số cư dân bản địa, mở rộng địa bàn sinh sống ở các vùng ven biển và Tây Nguyên Việt Nam. Trước khi xuất hiện nền văn hóa Óc Eo, trong thời kì tiền Óc Eo, vùng đất Nam Bộ đã có sự hình thành nền tảng kinh tế nguyên thủy với dấu tích các làng trồng lúa từ giữa thiên niên kỉ 1 TCN của nhóm cư dân từ Tây Nguyên thiên di xuống. Đây cũng là thời kì biển thoái làm cho bề mặt châu thổ sông Cửu Long đã hiện lên khá rõ nét, nổi bật với những cánh đồng lúa nổi và tôm cá đầy khắp nơi. Lúc đầu họ kết gỗ làm thành bè đi theo các dòng nước, khai thác những hạt lúa mọc tự nhiên và kết cây để làm nơi cất trữ hạt lúa, tìm những khu giồng đất cao để ở. Dần dần họ đã gieo trồng những hạt lúa hoang dại, dựng nhà sàn vừa để cư trú vừa để cất trữ lúa. Những nền tảng kinh tế nguyên thủy đó đã dần phát triển với trình độ cao trên các giồng cồn đất khu vực Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Cần Giuộc,... tạo tiền đề cho sự ra đời của văn hóa Óc Eo. Như vậy, văn hóa Óc Eo ra đời từ một vùng lúa nước mang đặc tính chân núi kề cửa sông ven biển¹¹.

Từ năm 50 TCN đến năm 550 SCN, vùng đất Nam Bộ bước vào giai đoạn biển thoái, bước vào quá trình hình thành đồng bằng châu thổ sông Cửu Long¹². Bên cạnh các lớp cư dân đã sinh sống lâu dài ở đây, nhiều cư dân mới cũng tiếp tục đến đây, tạo nên cộng đồng dân cư đông đúc có trình độ sản xuất thủ công cao và phát triển hoạt động thương mại trao đổi buôn bán. Trên cơ sở đó đã hình thành bộ lạc có trình độ phát triển theo tộc mẫu hệ, đó chính là tiểu quốc sơ khai Phù Nam của văn hóa Óc Eo vào đầu thế kỉ 1 SCN. Theo các thư tịch của Trung Quốc đều ghi chép: “Tục nước Phù Nam vốn khỏa thân, vẽ mình, xõa tóc và không biết may quần áo, phụ nữ làm vua. Nữ vương của Phù Nam là Liễu Diệp (Nagi Soma), còn ít tuổi, khỏe mạnh như nam giới¹³.”

Phù Nam thực sự trở thành vương quốc hùng mạnh từ sau sự kiện vị nữ vương của Phù Nam là Liễu Diệp kết hôn với vị vua của một tiểu quốc Ấn Độ là Hồn Điền (Kaundinya) vào nửa cuối thế kỉ 1 SCN. Thư tịch kể rằng: “Phía nam của Phù Nam

¹⁰ Trần Đức Cường, Vùng đất Nam Bộ thời kỳ vương quốc Phù Nam, in trong Văn hóa Óc Eo và Vương quốc Phù Nam, Kỷ yếu Hội thảo khoa học nhân 60 năm phát hiện văn hóa Óc Eo (1944 – 2004), Nxb Thế giới, Hà Nội, 2009, tr.325.

¹¹ Vũ Minh Giang, Nguyễn Việt, Vùng đất Nam Bộ từ cội nguồn đến thế kỉ 7, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.205.

¹² Lê Xuân Diệm, Quá trình hình thành châu thổ sông Cửu Long (tiếp cận từ địa sử học và thư tịch học), in trong Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam, sđd, tr.20.

¹³ Lương thư, Q.54, dẫn theo bản dịch của Nguyễn Hữu Tâm, in trong Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam, sđd, tr.274.

có nước Khích, quốc vương là Hồn Điền. Một hôm Hồn Điền được một vị thần cho một bộ cung tên và bảo ông đi thuyền buôn ra biển. Khi thuyền đến gần nước Phù Nam, Liễu Diệp đưa thuyền, dẫn quân ra nghênh chiến. Từ xa, Hồn Điền giương cung bắn mũi tên xuyên mạn thuyền làm nữ vương hoảng sợ xin hàng. Hồn Điền ghét tục khỏa thân của nước này nên ông bảo Liễu Diệp dùng vải quấn và cưới Liễu Diệp làm vợ, sinh con. Từ đó cai trị và lập ra vương quốc Phù Nam, chia thành 7 ấp do các con của Hồn Điền cai trị, mỗi ấp gọi là tiểu vương¹⁴. Phù Nam được nhìn nhận là một trong những vương quốc cổ đại đầu tiên được hình thành ở Đông Nam Á.

Xét vị trí địa lý của Phù Nam lúc này, sách Lương thư của Trung Quốc đã miêu tả: “Nước Phù Nam ở phía nam quận Nhật Nam, trong vịnh lớn phía tây của biển, cách Nhật Nam khoảng 7.000 dặm, cách Lâm Ấp ở phía tây nam hơn 3.000 dặm. Khí hậu, phong tục giống như Lâm Ấp¹⁵.”

Nằm giữa hai thế giới Trung Hoa và Ấn Độ, vùng Đông Nam Á đã sớm tiếp nhận nhiều ảnh hưởng của nền văn minh bên ngoài. Với tư cách là một trong những nhà nước đầu tiên xuất hiện ở Đông Nam Á, Phù Nam đã sớm có mối quan hệ mật thiết với các thương nhân và nhà truyền giáo Ấn Độ. Mối quan hệ này cũng được thể hiện từ chính sự kiện nữ vương Phù Nam kết hôn với vị vua Ấn Độ cho thấy quá trình Ấn Độ hóa ở Phù Nam.

Qua con đường truyền giáo và tiếp xúc buôn bán với các thương nhân Ấn Độ, dẫn đến sự tiếp xúc về ngôn ngữ và văn tự, chủ yếu qua đạo Bàlamôn và đạo Phật. Từ những thế kỉ đầu Công nguyên, vương quốc Phù Nam đã tiếp nhận nhiều yếu tố văn hóa Ấn Độ. Các tôn giáo giữ vai trò quốc giáo. Con đường vay mượn ngôn ngữ được chuyển tải qua chữ viết, mà thể hiện rõ nhất ở các tập kinh sách. Các vua Phù Nam đều thiết lập chế độ vương quyền kết hợp với thần quyền, do đó nhà vua cùng với các vị sư tăng rất giỏi ngôn ngữ và văn tự Ấn Độ. Có thể nói, chữ viết của cư dân Óc Eo - Phù Nam chính là sản phẩm của sự giao lưu văn hóa. Theo nhà nghiên cứu Võ Sĩ Khải, chữ viết ở vùng châu thổ sông Mê Kông vào khoảng đầu Công nguyên là một sản phẩm của sự giao lưu văn hóa do các thương nhân, các tu sĩ Phật giáo và Ấn Độ giáo đem đến. Văn tự ở di tích Óc Eo là loại chữ Phạn cổ¹⁶.

Theo nhà nghiên cứu Ngô Văn Doanh, vai trò của Ấn Độ đối với sự ra đời của các quốc gia Hindu giáo cổ đại đầu tiên ở Đông Nam Á, vai trò của Bàlamôn

¹⁴ Lương thư, Q.54, dẫn theo bản dịch của Nguyễn Hữu Tâm, sđd, tr.274

¹⁵ Lương thư, Q.54, dẫn theo bản dịch của Nguyễn Hữu Tâm, sđd, tr.273

¹⁶ Võ Sĩ Khải, Văn hóa Óc Eo 60 năm nhìn lại, in trong Kỷ yếu Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam, sđd, tr.49

(Brahman) trong việc truyền bá và phổ biến văn hóa, tôn giáo... tuy nhiên, chỉ có ở Phù Nam, những người Bàlamôn Ấn Độ mới trở thành các vị vua quan trọng của vương quốc. Để củng cố và phát triển nhà nước của mình, các vị vua của Phù Nam đã tiếp nhận những thành tựu của Ấn Độ về tổ chức vương quyền. Vì vậy, dù không phải là thuộc địa của Ấn Độ, vương quốc Phù Nam vẫn tiếp nhận những thành tựu về mọi mặt chính trị, xã hội và văn hóa của Ấn Độ để xây dựng đất nước của mình¹⁷.

Vào những thế kỉ đầu sau Công nguyên, cùng với Phù Nam còn có một số vương quốc biển xuất hiện ở Đông Nam Á như là Champa, Srivijaya,... Giai đoạn này, một số tuyến thương mại ở châu Á đã được thiết lập. Theo ý kiến của nhà nghiên cứu Ian C. Glover, các tuyến thương mại đó đã kết tụ hệ thống trao đổi còn nhiều tách biệt ở Đông Nam Á, đưa chúng hội nhập với mạng lưới rộng lớn khởi đầu từ Tây Âu, qua Địa Trung Hải, vùng vịnh Ba Tư, Biển Đỏ, rồi đến Ấn Độ, Đông Nam Á và Trung Quốc¹⁸. Trong đó, Phù Nam đã nổi lên thành một khu vực có trình độ sản xuất và thương mại phát triển nhất ở Đông Nam Á.

Vương triều Phù Nam gồm 13 đời vua ngự trị, đặc biệt, từ thời kì cai trị của Phạm Man (220-225) đã kiểm soát một vùng rộng lớn, đóng thuyền lớn chế áp hơn 10 nước trên biển bao gồm nhiều tiểu quốc, bành trướng mở rộng đất đai tới năm sáu ngàn dặm, về phía nam gồm một phần phía bắc bán đảo Malaysia, phía tây đến thung lũng sông Mê Nam (Thái Lan), về phía đông kiểm soát một phần Campuchia và toàn bộ khu vực miền Nam Việt Nam hiện nay¹⁹. Từ giai đoạn này, Phù Nam trở thành một vùng trung tâm có chức năng đầu mối thương mại biển Đông - Tây, không chế nền thương mại hàng hải ở Đông Nam Á, bành trướng khu vực phía bắc vịnh Thái Lan và toàn bộ các con đường giao thương giữa châu thổ sông Mê Kông và vùng bán đảo Mã Lai, trở thành một đế chế hàng hải của vùng biển phương Nam.

Thời bấy giờ, nhu cầu hàng hóa từ phương Đông, đặc biệt là tơ lụa của Trung Quốc, các loại hương liệu của Ấn Độ và Đông Nam Á luôn là nhu cầu bức thiết của khu vực Địa Trung Hải, khiến cho tuyến hải thương giữa Trung Quốc và Ấn Độ qua vùng biển Phù Nam càng trở nên sôi động. Thuyền buôn của Phù Nam thu mua hương liệu của Ấn Độ, mua dầu long não ở Padang (Indonesia), mua vàng từ Borneo (Malaysia), mua đinh hương ở Maluku (Indonesia), mua trầm hương ở Champa,...

¹⁷ Ngô Văn Doanh, Những ảnh hưởng của Ấn Độ đến đời sống chính trị xã hội Đông Nam Á thời cổ, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 1/2011, tr.26

¹⁸ Ian C. Glover, The Southern Silk Road - Archaeological evidence of early trade between India and Southeast Asia, dẫn theo Nguyễn Văn Kim, Óc Eo - Phù Nam vị thế lịch sử và các mối quan hệ, in trong Kỷ yếu Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam, sđd, tr.333.

¹⁹ Huỳnh Công Bá, Lịch sử Văn hóa Việt Nam, Nxb Thuận Hóa, 2008, tr.349.

Hàng hóa tập trung ở bến cảng của Phù Nam và được trung chuyển lên các thuyền buôn nước ngoài đến thị trường Trung Quốc, Địa Trung Hải, Ấn Độ,...

Bên cạnh đó, tuyến hải trình của thuyền buôn từ khu vực Nam Âu và Trung Cận Đông thường trước hết phải đến miền Nam Ấn Độ rồi đến bờ đông vịnh Bengal và dừng lại tại eo Kra, hàng hóa được vận chuyển lên đất liền, sau đó lại được chất lên thuyền ở bờ tây của vịnh Thái Lan và tiếp tục được vận chuyển đến các cảng vùng Đông Nam Á (cảng của Phù Nam, Lâm Ấp-Champa,...) và Trung Quốc. Như vậy, Phù Nam luôn có vị thế rất đặc địa trên hải trình quốc tế đó.

Hơn nữa, hoạt động của mạng lưới giao thương quốc tế lúc bấy giờ luôn phải tuân theo qui luật vận động của gió mùa. Từ tháng 4, gió tây nam bắt đầu thổi từ miền nam Ấn Độ Dương về hướng đông bắc. Theo hướng gió, thuyền buôn từ Địa Trung Hải và vịnh Ba Tư đến Ấn Độ, rồi từ Ấn Độ hàng hóa lại tiếp tục được chuyển đến vùng hạ lưu sông Irrawaddy và eo Kra. Vì vậy, mùa mậu dịch kéo dài đến tháng 6. Từ tháng giêng năm sau, gió lại chuyển hướng thổi từ phía đông bắc về tây nam, theo đó thuyền buôn từ Đông Nam Á trở về Ấn Độ. Có những chuyến hải trình kéo dài vài năm, vì vậy trên tuyến hải trình rất cần có những bến cảng neo đậu thuận lợi trong thời gian dài đợi gió mùa, lấy nước ngọt, lương thực, củi khô, đồng thời cũng dễ dàng trao đổi, tập kết và trung chuyển hàng hóa. Những bến cảng của Phù Nam đã đáp ứng được các điều kiện này, đặc biệt là trung tâm thương cảng Óc Eo. Để đón gió thuận lên phía bắc, thương nhân Ấn Độ và Đông Nam Á thường phải dừng ở Óc Eo khoảng 5 đến 6 tháng để tiêu thụ và tập kết hàng hóa, đồng thời sửa chữa tàu thuyền.

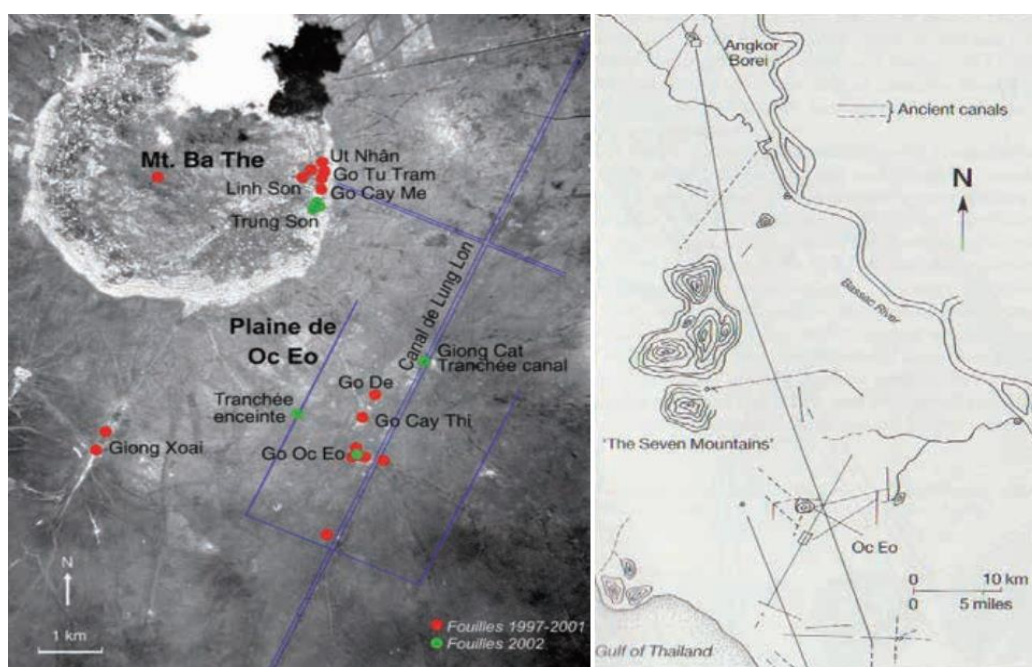
Phù Nam cũng trở thành nơi cung cấp thuyền và thiết bị đi biển cho các tuyến hành trình dài ngày trên biển. Nam Tề thư có viết: “Người Phù Nam biết đóng thuyền dài 8-9 trượng, lòng thuyền rộng 6-7 thước, đầu và đuôi giống hình con cá²⁰.” Với ưu thế vị trí trên tuyến đường thương mại quốc tế Đông - Tây, nhằm mục đích bành trướng, phát triển nền thương mại biển của mình, Phù Nam đã khai thác tận dụng triệt để hệ thống bến cảng ven biển mà trung tâm là thương cảng Óc Eo.

Thương cảng Óc Eo được hình thành từ thế kỉ 1, ở phía nam ngọn núi Ba Thê, thuộc tỉnh An Giang ngày nay. Khi đó, biển còn ăn sâu vào đất liền. Tàu thuyền đi vào vịnh Rạch Giá rồi theo đoạn kênh rạch mà vào khu vực cảng Óc Eo ngay chân núi Ba Thê.

²⁰ Nam Tề thư, dẫn theo bản dịch của Nguyễn Hữu Tâm, sđd, tr.271.

Theo kết quả nghiên cứu khai quật khảo cổ học, các học giả trong nước và quốc tế đều thống nhất vị thế kiến trúc của toàn khu đô thị thương cảng Óc Eo với tổng diện tích rộng gần 500 ha, được khuôn bởi hệ thống hào lũy hình chữ nhật, dài khoảng 3km, rộng khoảng 1,5km, chạy theo hướng bắc nam hơi lệch về phía đông khoảng 10 độ. Chính giữa có dòng kênh Lung Lớn chia khu thương cảng làm hai phần. Mỗi phần có thể chia nhỏ thành các ô khoảng 750m x 500m được bao bọc bởi các dòng kênh vuông vắn. Thành Angkor Borei ở phía bắc, cách Óc Eo theo đường chim bay khoảng 70km, ở vị trí cuối đoạn kênh chạy dài từ Óc Eo. Tòa thành có tường cao tới 4-5m, bao bọc một khoảng đất gần hình chữ nhật rộng 300 ha²¹.

Ngoài ra, ở giữa cảng thị còn dấu tích ngã tư nối kênh Lung Lớn chính giữa với hai kênh nhánh đi về phía sông Hậu Giang. Đây cũng là một tuyến đường thuận lợi theo đường sông kết nối thương cảng Óc Eo với Biển Đông. Ngay ngã tư này có xuất hiện kiến trúc gạch đá mang tên Gò Cây Thị mà theo các nhà nghiên cứu cho rằng đó là kiến trúc dinh thự, công sở. Có lẽ đây chính là trung tâm quản lý, điều hành, kiểm soát, phân phối hàng hóa của khu cảng thị Óc Eo.



Hình 6. Qui mô vị trí thương cảng Óc Eo (Nguồn: Internet)

Việc đào kênh phục vụ tưới tiêu và giao thông đi lại cùng với những hoạt động buôn bán của cảng thị chắc chắn đã có ở quốc gia Phù Nam từ trước thế kỉ 3 trong khu vực Tứ giác Long Xuyên. Cảng thị Óc Eo được xây dựng ngay cạnh chân núi Ba Thê và các làng xóm, các điểm Gò Giông Xoài, Gò Tư Trâm, Linh Sơn,... là các

²¹ Dẫn theo Vũ Minh Giang, Nguyễn Việt, Vùng đất Nam Bộ từ cội nguồn đến thế kỉ 7, sđd, tr.197.

trung tâm kinh tế, tôn giáo, văn hóa, chính trị của Phù Nam ở giai đoạn đầu với chức năng là một đô thị thương cảng lớn, có kinh thành, trung tâm hành chính của bộ máy điều hành hệ thống các cảng thị và các thành ấp khác chịu sự chi phối của dòng họ Hồn... Chính nhu cầu phát triển của hoạt động cảng thị đã hình thành bộ máy điều hành quản lý dựa trên nguyên tắc thương mại bình đẳng, có sự hỗ trợ thần quyền của Hindu giáo, Phật giáo và các tín ngưỡng nguyên thủy bản địa. Đây chính là thời kì cai trị bởi Hồn Điền và Liễu Diệp cùng các thế hệ con cháu họ Hồn.

Đến thời kì đế chế Phù Nam tương ứng với thời kì Phạm Man thay thế dòng họ Hồn cai trị từ đầu thế kỉ 3, xuất hiện con kênh đào dài khoảng 100km từ Óc Eo lên phía bắc nối Angkor Borei và Phnom Da (Takeo, Campuchia hiện nay). Điều đó chứng tỏ từ thế kỉ 3, Óc Eo không còn vai trò trung tâm hành chính của Phù Nam nữa, nó chỉ mang chức năng trung tâm thương mại và ngày càng phát triển, còn trung tâm hành chính của Phù Nam đã được chuyển về Angkor Borei, đúng như thư tịch Trung Quốc đã miêu tả: “Kinh thành nước này cách biển 500 dặm, có sông lớn rộng 10 dặm chảy từ tây bắc sang phía đông đổ ra biển. Diện tích cả nước rộng hơn 3.000 dặm, đất thấp nhưng bằng phẳng²².”



Hình 7. Di chỉ Gò Cây Thị (dấu vết nhà sàn và mộ táng thế kỉ 2, đền thờ thế kỉ 4-6)

Từ thế kỉ 4 đến thế kỉ 6 là giai đoạn phát triển phồn thịnh nhất của thương cảng Óc Eo cùng với sự phát triển mật độ dân cư trong khu vực đô thị cảng ngày càng dày đặc. Hệ thống đền thờ xây bằng gạch đá với các vật liệu kiến trúc bằng đất

²² Lương thư, Q.54, dẫn theo bản dịch của Nguyễn Hữu Tâm, sđd, tr.273.

nung, các linga, tượng thờ bằng đồng, đá và cả hàm mộ có than tro vàng lá chôn theo tầng lữ và quý tộc²³.

Những phát hiện về dấu tích kiến trúc tôn giáo, đền thờ, mộ táng cùng với nhiều hiện vật liên quan đến thương mại cho thấy cảng thị Óc Eo không chỉ có đồ phục vụ tôn giáo mà còn của cả thương nhân và dân thường.

Theo kết quả nghiên cứu của Louis Malleret, một dạng kiến trúc thường gặp trong các điểm tụ cư ở Óc Eo là các giếng trữ nước ngọt. Do khu đô thị là vùng cửa sông ven biển, nguồn nước thường bị nhiễm mặn. Hệ núi Tri Tôn - Ba Thê và núi Takeo đã tạo ra những mạch nước ngọt ngầm trong lục địa. Tại khu vực Óc Eo và trung tâm hành chính Angkor Borei đều phát hiện các bể nước, giếng nước, đa phần được xây viền bằng gạch đá để trữ nước ngọt sạch²⁴.

Hoạt động của thương cảng trung tâm Óc Eo không thể tồn tại độc lập. Nó có sự tham gia, hỗ trợ của mạng lưới các bến cảng vệ tinh, chợ nổi có chức năng tiêu thụ, tập kết hàng hóa, giao lưu buôn bán với các vùng trong nội địa, ngoài ra còn có sự tham gia của các trung tâm sản xuất thủ công nghiệp cung cấp hàng hóa cũng như tiêu thụ các nguồn nguyên liệu để chế tác sản phẩm.

Di tích Nền Chùa (Tà Kev) cách di tích Óc Eo - Ba Thê 12km theo đường chim bay và cách vịnh Rạch Giá 12km, thuộc xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Nối từ Óc Eo với Nền Chùa là một đường kênh cổ dài 15km, là đoạn đầu của kênh Lung Lớn trước khi đổ ra cửa biển vịnh Rạch Giá. Nhà khảo cổ học Louis Malleret đánh giá Nền Chùa nằm trên tuyến đường ra biển gần nhất của cảng Óc Eo, là tiền cảng của đô thị thương cảng Óc Eo. Theo kết quả điều tra khai quật khảo cổ học, ngay ven bờ kênh Lung Lớn đã phát hiện dấu vết các cọc gỗ, dấu vết cư trú, đặc biệt có nền móng của một ngôi đền khá lớn được xây bằng đá, dạng hình chữ nhật dài 25,6m, rộng 16,3m. Bên ngoài có một chiếc linga bằng sa thạch bị vỡ một nửa, cao khoảng 1m cùng với nhiều hiện vật khác như linga, yoni bằng đá, con dấu khắc hình thuyền, hình ốc, bùa đeo đúc hình người, mảnh gốm có hình nghệ nhân chơi đàn, nhiều hạt chuỗi và đá quý,... Tại đây cũng phát hiện 19 ngôi mộ hỏa táng, trong mộ chôn theo nhiều lá vàng mỏng có in hình người, hình thần, hình bò Nandin, rùa, rắn, những đồng tiền, nhẫn, đá quý,²⁵... Qua đó cho thấy Nền Chùa chính là một bến

²³ Dẫn theo Vũ Minh Giang, Nguyễn Việt, Vùng đất Nam Bộ từ cội nguồn đến thế kỉ 7, sđd, tr.177-178.

²⁴ Dẫn theo Vũ Minh Giang, Nguyễn Việt, Vùng đất Nam Bộ từ cội nguồn đến thế kỉ 7, sđd, tr.198.

²⁵ Đào Linh Côn, Một số di chỉ tiêu biểu của văn hóa Óc Eo trên đất Nam Bộ, in trong Kỷ yếu Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam, sđd, tr.155

cảng cửa ngõ trước khi đi vào đô thị thương cảng Óc Eo, có hoạt động thương mại, phục vụ các tầng lớp cũng như thương nhân và dân thường.

Di tích Cạnh Đèn (Trăm Phở) thuộc xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, được chứng minh qua các kết quả khảo cổ học là một khu cảng thị ven biển quan trọng của vương quốc Phù Nam. Nó nằm ở vị trí ven biển phía nam, cách di tích Óc Eo - Ba Thê khoảng 90km. Kết quả khai quật năm 1981 và 1986 đã ghi nhận vùng đất dưới chân các gò nổi có dấu vết cư trú nhà sàn, cọc gỗ dưới đáy các mương nước, nhiều mảnh gốm, trái cây, hạt lúa, di cốt người, xương động vật, nhiều loại hình liên quan đến di tích xưởng thủ công làm đồ sắt, đồ trang sức bằng vàng, bạc, đá quý, thủy tinh, các kiến trúc đền đài, mộ táng,... Đặc biệt, trong phạm vi di tích Cạnh Đèn, các nhà khảo cổ đã thu thập được rất nhiều di vật liên quan đến hoạt động giao lưu với Ấn Độ và phương Tây, đó là những con dấu bằng đá quý, bằng kim loại (13 tiêu bản), trên mặt có khắc chạm hình người, hình động vật, chữ cổ²⁶,... Có thể thấy, Cạnh Đèn cũng là một bến cảng cửa ngõ quan trọng của vương quốc Phù Nam trong việc giao thương với bên ngoài.

Cư dân Óc Eo sống chủ yếu dọc theo các kênh rạch, sông ngòi. Các con kênh là những tuyến đường thủy nối liền với nhau, tạo thành mạng lưới giao thông chằng chịt trên toàn vùng châu thổ sông Cửu Long. Kênh rạch là hình ảnh điển hình đặc trưng của vùng đất này mà cho đến ngày nay người dân Nam Bộ vẫn tận dụng, thích ứng nó trong cuộc sống hàng ngày. Những con kênh này không chỉ phục vụ nhu cầu thủy lợi tưới tiêu cho nông nghiệp, mà nó còn tạo ra một hệ thống giao thông đường thủy rộng lớn phục vụ cho việc giao thương buôn bán hàng hóa giữa các vùng. Vùng châu thổ sông Cửu Long ngày nay cũng vẫn mang đặc trưng vùng sông nước như thời kỳ Óc Eo, vị trí những chợ nổi ngày nay như Phụng Hiệp, Châu Đốc, Cái Răng,... chắc chắn cũng là những bến thuyền, chợ nổi tham gia vào hoạt động tập kết và trung chuyển hàng hóa cho bến cảng trung tâm vào thời kỳ nhà nước Óc Eo - Phù Nam, bởi đây chính là một cách thích nghi hài hòa với môi trường sông nước tự nhiên của cư dân cổ cũng như cư dân hiện đại.

Bên cạnh đó, cảng thị Óc Eo còn có mối liên hệ mật thiết với những bến cảng và các khu xưởng chế tác thủ công kim hoàn của Phù Nam, như di tích Đá Nổi (An Giang), Nhơn Thành (Cần Thơ), di tích Gò Hàng (Long An),... Các di tích này thường lưu lại dấu tích của lớp văn hóa cư trú, có xuất hiện các hạt vàng nhỏ như trứng cá, những hạt bụi, lá vàng nhỏ, các mảnh nguyên liệu đá quý, tinh thể thạch anh, dụng cụ làm đồ kim hoàn,... Di tích Đá Nổi phát hiện 317 hiện vật vàng gồm

²⁶ Đào Linh Côn, Một số di chỉ tiêu biểu của văn hóa Óc Eo trên đất Nam Bộ, sđd, tr.157

đồ trang sức như nhẫn, vật đeo, lá vàng mỏng chạm hình người, thần linh, động vật, thảo mộc, văn tự sanscrit cổ, trang trí hình học, phần lớn là biểu tượng thuộc tín ngưỡng Bàlamôn²⁷. Đặc biệt, di tích Gò Hàng còn được gọi là “cánh đồng vàng” thuộc địa phận xã Vĩnh Đại, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An có dấu tích của xưởng chế tác kim hoàn. Trên bề mặt di tích có nhiều di vật như gốm, cọc gỗ, nhiều hạt chuỗi bằng thủy tinh, đất nung, đá quý, đặc biệt là nhiều hạt vàng nhỏ li ti như trứng cá, vàng cám và các loại đồ vật kim loại khác... Tại một địa điểm gần trung tâm của gò còn phát hiện được một sàn rất cứng cùng nhiều mảnh gốm mịn kết dính ở phần địa tầng bị xáo trộn²⁸. Có thể thấy, Gò Hàng là nơi có di tích xưởng thủ công kim hoàn và sản xuất gốm rất lớn, sản phẩm đa dạng, số lượng lớn. Khoảng vào những năm 1980, nhiều người đổ về đây đào bới tìm vàng, hạt chuỗi và các đồ quý giá dẫn đến di tích bị xâm phạm, xáo trộn nghiêm trọng.

Có thể nói, Phù Nam được các thương nhân nước ngoài lựa chọn là điểm dừng chân lâu dài trong mỗi chuyến đi không chỉ bởi có vị trí bến cảng thích hợp mà Phù Nam còn có rất nhiều loại hàng hóa quý hiếm được nhiều nước ưa chuộng. Lương thư có miêu tả Phù Nam là vùng có nhiều sản vật như vàng, bạc, đồng, thiếc, trầm hương, mộc hương, ngà voi, chim công lông biếc, chim anh vũ ngũ sắc²⁹.

Không chỉ tập trung phát triển hoạt động thương mại hàng hải, thời kì Óc Eo - Phù Nam đã có sự phát triển vượt trội của các ngành nghề thủ công, trở thành trung tâm sản xuất cung cấp số lượng hàng hóa lớn. Theo Louis Malleret, dựa trên các hiện vật thu thập được thì có ít nhất 6 nghề thủ công hội tụ ở Óc Eo, đó là nghề chế tác đồ kim khí, đồng sắt, nghề gia công các đồ thiếc, nghề kim hoàn và đúc tiền bằng bạc, nghề làm đá quý và thủy tinh, nghề chạm khắc đá, nghề làm đồ gốm³⁰.

Đồ trang sức trong văn hóa Óc Eo đã đạt đến trình độ phát triển rất cao. Số lượng lớn với đa dạng về loại hình, chất liệu. Người thợ thủ công đã chế tạo nên các sản phẩm như vòng tay, khuyên tai, hạt chuỗi, vật đeo trang sức, nhẫn,... với các chất liệu vàng, bạc, đồng, thiếc, thạch anh, kim cương, đá màu,... Kết quả sưu tập lần đầu

²⁷ Đào Linh Côn, Một số di chỉ tiêu biểu của văn hóa Óc Eo trên đất Nam Bộ, sđd, tr.156.

²⁸ Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải, Văn hóa Óc Eo những khám phá mới, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1995, tr.160.

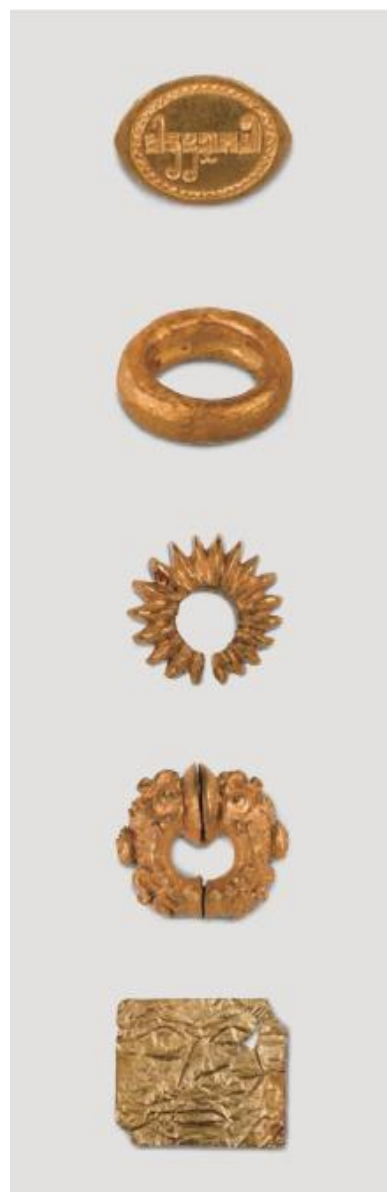
²⁹ Lương thư, Q.54, dẫn theo bản dịch của Nguyễn Hữu Tâm, sđd, tr.273.

³⁰ Lương Ninh, Về văn hóa Óc Eo, in trong Kỷ yếu hội thảo khoa học văn hóa Óc Eo, nhận thức và giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị di tích, An Giang, 2009, tr.19.

tiên do Louis Malleret công bố với 1.062 hạt ngọc, 1.311 di vật vàng nặng tới 1.120gram tại di tích Óc Eo đã cho thấy đồ trang sức là nét đặc trưng của nền văn hóa Óc Eo, đặc biệt đồ trang sức vàng rất phổ biến, được chế tác thành các lá vàng dát mỏng có hình tượng Phật, tượng thần, chim, thú, cá,... nhẫn, khuyên tai...

Óc Eo - Phù Nam đã nhập nhiều loại nguyên liệu hàng hóa của các thương nhân Đông Nam Á như vàng, đồng, chì, thiếc, đá quý từ bán đảo Mã Lai hoặc của các cư dân vùng cao để cung cấp cho các xưởng chế tác. Trong di chỉ Óc Eo còn phát hiện kho hạt thủy tinh nhiều màu sắc và thủy tinh trong suốt được gọi là bích lưu ly. Có lẽ người Óc Eo còn nhập đá quý từ Ấn Độ, Thái Lan và nguyên liệu thủy tinh thì nhập từ Ấn Độ và vùng Trung Cận Đông. Nhiều khả năng, các nghệ nhân người Ấn Độ đã cùng phối hợp chế tác các vật dụng và đồ trang sức với thợ thủ công bản địa³¹.

Ngoài ra, các nhà khảo cổ còn phát hiện nhiều hiện vật là hàng ngoại nhập khác như hai chiếc huy chương vàng đúc nổi hình Hoàng đế La Mã Antonius Pius (138-161) và Marcus Aurelius (161-180), một chiếc đèn bằng đồng của Ba Tư kiểu dáng Sassanid (226-652), một mảnh gương đồng Trung Quốc thời Đông Hán (25-220), một nhẫn ngọc khắc chữ Mã Lai, 12 mảnh thiếc làm nhẫn, dây chuyền, vòng tay khắc chữ Brahmi³².



Hình 8. Trang sức nhẫn, khuyên tai vàng, lá vàng của văn hóa Óc Eo

Bên cạnh đó, trong một số địa điểm buôn bán hoặc trung tâm sản xuất còn phát hiện được những đồng tiền kim loại bằng vàng, bạc, đồng của Phù Nam và những tấm niêm hàng bằng chì để niêm phong các gói hàng.

³¹ Nguyễn Văn Kim, Óc Eo - Phù Nam vị thế lịch sử và các mối quan hệ khu vực, in trong Kỷ yếu Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam, sđd, tr.336

³² Lương Ninh, Óc Eo - cảng thị quốc tế của vương quốc Phù Nam, T/c Khảo cổ học, số 3/2011, tr.39

Có thể thấy, trong suốt những thế kỉ đầu sau Công nguyên, vương quốc Phù Nam đã phát triển với xu thế hướng biển, đặc biệt là sự phát triển về qui mô lớn của thương cảng quốc tế Óc Eo. Cư dân Óc Eo - Phù Nam đã sớm có nền thương mại phát đạt với các nước trong khu vực Đông Nam Á, Ấn Độ, Trung Quốc, Ba Tư, La Mã,... Vương quốc Phù Nam đã mở rộng các vùng đất chư hầu bằng sức mạnh quân sự dựa trên nền kinh tế biển của mình, giữ vai trò là trung tâm kinh tế, văn hóa, là trạm dừng chân, trung chuyển hàng hóa trên tuyến đường thương mại biển Đông - Tây với hai trung tâm văn minh lớn của nhân loại là Ấn Độ và Trung Hoa.

Thế kỉ 4, Phù Nam ngày càng phát triển, trở thành trung tâm thương mại quan trọng nhất Đông Nam Á. Thị trường đáp ứng nhu cầu hàng hóa giữa Trung Quốc, Ấn Độ và Tây Á lúc nào cũng sôi động. Trung Quốc cần vải bông của Ấn Độ, các sản phẩm đá quý, ngọc, hổ phách, thủy tinh, cánh kiến, san hô của Ấn Độ và thị trường Tây Á. Ngược lại, phía Ấn Độ và vùng Tây Á lại cần thu mua tơ lụa, gốm và đồ mỹ nghệ của Trung Quốc. Phù Nam với thương cảng Óc Eo trở thành nơi đón nhận dòng lưu chuyển chính của hệ thống thương mại Đông - Tây.



Hình 9. Tiền Phù Nam – Óc Eo

Từ thế kỉ 5, ngoài tuyến hải thương truyền thống vượt qua eo Kra mà đến Phù Nam, những người đi biển châu Á đã thông thạo đường biển hơn và thực hiện tuyến đường mới để tìm những thị trường hàng hóa mới. Thuyền buôn châu Á theo hải trình vượt qua eo Melaka và Sunda, tìm các mặt hàng như long não ở Sumatra, gỗ thơm ở Timor, hương liệu quý của Maluku,... Các thương nhân ở đây vẫn giữ mối quan hệ cung cấp hàng hóa cho Phù Nam như trước và thu mua những sản phẩm của Ấn Độ, Trung Quốc và Đông Nam Á lục địa thông qua thương cảng Óc Eo – Phù Nam. Bên cạnh đó, họ cũng bắt đầu thiết lập mối quan hệ giao thương trực tiếp với Ấn Độ và Trung Hoa. Theo Paul Wheatley, lúc này vùng eo biển Melaka (Malacca) trở thành trung tâm thương mại thứ ba ở Đông Nam Á, trung tâm của nó nằm ở phía đông nam Sumatra, trở thành điểm trung tâm của hệ thống thương mại Malay ở

Borneo, Java, các đảo phía đông cũng như vùng cao và miền núi bán đảo Malay, cùng các hệ thống sông Chao Phraya và Irrawaddy³³.

Bên cạnh đó là tuyến hải trình từ Nam Ấn Độ đi qua eo biển Sunda đến khu vực cảng Champa rồi tiến về phương Bắc. Cảng Sunda cũng trở thành điểm trung chuyển hàng hóa nhộn nhịp. Chính quyền Trung Hoa đã dành những điều kiện thuận lợi trong buôn bán và xác lập quan hệ bang giao với các tiểu quốc vùng Nam Đảo.

Trước tình hình đó, đến thế kỉ 6, Óc Eo – Phù Nam vẫn áp dụng những chính sách ngoại giao nhằm duy trì vị thế của mình. Phù Nam luôn cố gắng duy trì mối quan hệ bang giao với Trung Quốc, mở rộng mạng lưới ảnh hưởng về phía nam đến đảo Borneo và vùng đông Indonesia.

Tuy nhiên, một thời vàng son thịnh vượng của Phù Nam - Óc Eo cũng đã dần dần bị phai nhạt. Sự hùng mạnh của Phù Nam cũng đến lúc chấm dứt. Sự suy tàn và biến mất của vương quốc Phù Nam và thương cảng Óc Eo là do bởi một số nguyên nhân sau:

Trước hết, đó là do sự ra đời của những trung tâm kinh tế mới ở khu vực Đông Nam Á tham gia vào tuyến thương mại hàng hải quốc tế, tạo nên những tuyến đường mới mà không cần đi vào Phù Nam, các trung tâm đó dần phát triển vượt trội Phù Nam. Hơn nữa, Phù Nam vốn từ trước luôn có chức năng trung chuyển hàng hóa, là điểm tập kết hàng hóa ở các nơi mang đến là chủ yếu. Vì vậy, khi các trung tâm sản xuất hàng hóa đó đã có những tuyến đường thương mại mới và giao thương trực tiếp với thị trường lớn là Trung Quốc thì Phù Nam không còn là điểm mà họ đến nữa, như vậy Phù Nam đã dần mất đi những khách hàng và thị trường tiềm năng truyền thống trước đây.

Thứ hai, Phù Nam vốn không phải là một đế chế có tổ chức chặt chẽ, thống nhất dưới một bộ máy cai trị có quyền lực, mà chỉ là tập hợp các tiểu quốc với tư cách là các nước chư hầu. Mối quan hệ giữa chính quốc Phù Nam với các tiểu quốc chư hầu vô cùng lỏng lẻo và chỉ duy trì bằng sức mạnh quân sự chinh phục và đàn áp, cướp bóc của cải và bắt người làm nô lệ. Bên cạnh đó, qua một số bi ký giai đoạn thế kỉ 5-7 đã cho biết, ở thời kì hùng mạnh, các vị vua Phù Nam thường cho con cháu hoàng tộc kết hôn với hoàng tộc của Chân Lạp và nắm quyền cai quản Chân Lạp, vì thế chính Chân Lạp đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho sức mạnh quân sự của đế chế Phù Nam³⁴. Tuy nhiên, sự liên kết lỏng lẻo đó đã dẫn đến cơ hội cho tiểu

³³ Dẫn theo Kenneth R. Hall, A History of Early Southeast Asia, Maritime Trade and Societal Development, 100-1500, p.32.

³⁴ Vũ Minh Giang, Nguyễn Việt, Vùng đất Nam Bộ từ cội nguồn đến thế kỉ 7, sđd, tr.267-268

quốc Chân Lạp với lực lượng quân sự hùng mạnh gây nên cuộc nổi loạn. Năm 550, vua Chân Lạp đã tấn công vua Phù Nam, khiến vua Phù Nam phải rời khỏi Angkor Borei mà chạy về thành Nafuna (Óc Eo). Đến năm 627 thì bị thôn tính hẳn, lúc này các tiểu quốc chư hầu của Phù Nam cũng có sự vận động tách khỏi lệ thuộc. Tuy giai đoạn này Chân Lạp đánh chiếm được Phù Nam, nhưng liên tiếp trong các thế kỉ 7-8 thường bị thế lực của vương triều Java đe dọa. Chân Lạp cũng không có sự khai thác, phát triển vùng đất này.

Tuy nhiên, vùng đất Phù Nam - Óc Eo đi đến diệt vong còn do một nguyên nhân quan trọng, đó là ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên. Từ khoảng giữa thế kỉ 6 đã bắt đầu đợt biển tiến mới kéo dài hơn 800 năm³⁵. Nước biển dâng ngập cao hơn mực nước hiện nay khoảng gần 1m khiến nước mặn tràn ngập khắp nơi, nguồn lương thực chính từ những cánh đồng lúa gạo của đồng bằng Nam Bộ đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng, cuộc sống của cư dân Óc Eo gặp nhiều khó khăn, họ đã dần dần phải bỏ miền đất này mà ra đi, một số đã sang vùng đất Champa, lên miền Tây Nguyên, hoặc ra ngoài hải đảo, đến các trung tâm kinh tế mới ở Đông Nam Á tiếp tục nghề buôn bán của mình. Quốc gia Phù Nam với thương cảng Óc Eo một thời hưng thịnh đã dần đi vào dĩ vãng và biến mất khỏi lịch sử, chìm dưới những đầm nước ngập mặn suốt nhiều thế kỉ sau.

Tóm lại, vùng đất Nam Bộ Việt Nam ngày nay đã có thời kì tồn tại lâu dài của một đế chế biển hùng mạnh, nhân lực vật lực dồi dào, sản vật giàu có mới có thể xây dựng nên hệ thống đường kênh lớn, những ngôi đền đồ sộ, hay những công xưởng sản xuất kim hoàn lớn. Theo các nhà nghiên cứu thì cho đến nay, trên toàn Đông Nam Á chưa có diện tích di chỉ nào rộng như Óc Eo với số lượng hiện vật phong phú, đa dạng và độc đáo đến như vậy³⁶. Thông qua kết quả nghiên cứu di chỉ và di vật đã tái hiện lại diện mạo đô thị thương cảng quốc tế Óc Eo sầm uất một thời của vương quốc Phù Nam.

³⁵ Lê Xuân Diệm, Quá trình hình thành châu thổ sông Cửu Long (tiếp cận từ địa sử học và thư tịch học), sđd, tr.21.

³⁶ Lương Ninh, Nước Phù Nam - Một thế kỉ nghiên cứu, T/c Nghiên cứu Lịch sử, số 3 (322), 2002, tr.43.

Tài liệu tham khảo

1. Alexandre de Rhodes, *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài (Histoire du Royaume du Tonquin 1627)*, Nguyễn Khắc Xuyên dịch, Nxb Khoa học Xã hội, 2016.
2. Allison I. Diem, *Gốm Việt Nam tại xác tàu đắm ở Pandanan, Philippine*, Tạp chí Xưa và Nay, số 83, T1/2001.
3. Allison I. Diem, *Bằng chứng về quan hệ buôn bán gốm giữa Champa và Philippine*, in trong *Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam*, tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005.
4. A. Laborde, *La province de Phu Yen*, BAVH, tập 16, số 4, Nxb Thuận Hóa, 2003.
5. Anthony Reid, *Người Chăm trong hệ thống hàng hải Đông Nam Á*, Ngô Bắc dịch, www.gio-o.com.
6. Anthony Reid, *Southeast Asia in the Age of Commerce, 1450-1680*, Volume One: The Lands below the Winds, Yale University Press, 1988.
7. Anthony Reid, *Southeast Asia in the Age of Commerce, 1450-1680*, Volume two: Expansion and Crisis. New Haven: Yale University Press, 1993.
8. Bảo tàng Bến Tre, *Báo cáo nghiên cứu Di chỉ Ba Vát năm 2003-2004*.
9. Bảo tàng Hưng Yên, *Báo cáo khoa học khai quật, vận chuyển xác tàu cổ từ xã Đại Tập về Bảo tàng Hưng Yên*, 2009.
10. Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, *Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật tàu cổ đắm tại vùng biển Dung Quất năm 2019*.
11. Bảo tàng Nghệ An, *Báo cáo kết quả khảo sát tàu đắm ở hạ lưu sông Lam năm 2012*.
12. Bảo tàng Phú Yên, *Báo cáo nghiên cứu sưu tập tiền cổ tại Phú Yên năm 2000*.
13. Bùi Dương Lịch, *Nghệ An ký*, Nxb Khoa học xã hội, 2019.
14. Bùi Minh Trí, *Tìm hiểu ngoại thương Việt Nam qua “Con đường gốm sứ trên biển”*, Tạp chí Khảo cổ học, 5/2003.
15. Bùi Thiết, *Khái quát lịch sử Vinh - Bến Thủy*, Tài liệu lưu trữ phòng Bảo tồn Bảo tàng, Ty Văn hóa Nghệ An.
16. Bùi Văn Hiếu, *Thương cảng Hội An, Nước Mặn qua tư liệu khảo cổ học*, Luận án Tiến sĩ Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội - Học viện KHXH, Hà Nội, 2017.
17. Bùi Quang Thanh, *Tiếp biến văn hóa ở một đô thị ven sông Hồng - trường hợp Nam Định*, Tạp chí Di sản văn hóa phi vật thể, số 2, 2008.
18. Cao Chư, *Văn hóa cổ truyền dân tộc Cor*, Nxb Khoa học Xã hội, 2016.
19. Cao Chư, *Cổ Lũy trong luồng văn hóa biển Việt Nam*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Nxb Thanh Niên, Quảng Ngãi, 2010.
20. Châu Đạt Quan, *Chân Lạp phong thổ ký*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2006.
21. Chử Bích Thu, *Con đường tơ lụa trên biển thời Hán: Tuyến đường thương mại biển sớm nhất của Trung Quốc*, in trong *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỉ 16-17*, Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQGHN, 2007.

22. Cristophoro Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, bản dịch của Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên, Nguyễn Nghị, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2014.
23. Charles B. Maybon, *Những người châu Âu ở nước An Nam*, Nguyễn Thừa Hỷ dịch, Nxb Thế giới, 2016.
24. Dam Bo - Jacques Dournes, *Miền đất huyền ảo*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2002.
25. D.G.E.Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
26. Dương Văn An, *Ô Châu cận lục*, bản dịch Nguyễn Khắc Thuần, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2009.
27. Dương Duy Bằng, *Tiền bạc cổ lưu hành trên thị trường Đông Nam Á*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, 4/2009.
28. Dương Văn Huy, *Giao thương giữa vùng Đông Bắc Việt Nam với các cảng miền Nam Trung Hoa thế kỉ 10-14*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 3/2009.
29. Dương Văn Huy, *Chính sách hương biển của chính quyền Đàng Trong (thế kỉ 16-18)*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, 8/2007.
30. *Đại Việt sử lược*, bản dịch của Nguyễn Gia Tường, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 1993, ấn bản điện tử của Lê Bắc, 2001.
31. Đào Linh Côn, *Một số di chỉ tiêu biểu của văn hóa Óc Eo trên đất Nam Bộ*, in trong *Kỷ yếu Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam*, 2008.
32. Đào Xuân Hùng, *Dấu ấn của gốm Lư Cấm Nha Trang và thực trạng hôm nay*, Hội thảo Gốm Đồng Nai và các vùng phụ cận, giá trị truyền thống & vấn đề phát triển.
33. Đặng Trường, *Đô thị thương cảng Hội An*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2013.
34. Đặng Trường, *Đô thị thương cảng Phố Hiến*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2013.
35. Đặng Thu, *Di dân của người Việt từ thế kỉ 10 đến giữa thế kỉ 19*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Hà Nội, 1994.
36. Đặng Hoàng Giang, *Quan hệ Hà Tiên - Thuận Hóa thời kỳ khai thiết miền Tây (từ đầu đến nửa sau thế kỉ 18)*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, 6/2010.
37. Đặng Hồng Sơn, Nguyễn Văn Anh, Kikuchi Yuriko, Trần Phi Công, Nguyễn Thị Thương Hiền, *Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật thám sát khảo cổ học địa điểm Hội Thống năm 2016*.
38. Đinh Bá Hòa, *Vai trò, vị trí của Nước Mặn trong hệ thống cảng thị miền Trung*, in trong *Hội thảo khoa học quốc tế hệ thống thương cảng miền Trung với con đường tơ lụa trên biển - vai trò và các mối quan hệ*, Hội An, 2017.
39. Đinh Văn Liên, *Văn minh sông rạch trong văn hóa của cư dân Sài Gòn - Gia Định*, Tạp chí Xưa và Nay, số 58b, 1998.
40. Đinh Văn Thiên, Hoàng Thế Long, Nguyễn Trung Minh, *Nam Trung Bộ - vùng đất, con người*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2010.

41. Đinh Văn Hạnh, *Những trung tâm thương mại Bà Rịa xưa*, Tạp chí Xưa và Nay, số 76b, 2000.
42. Đinh Văn Huy, *Đặc điểm hình thái động lực khu bờ biển hiện đại Hải Phòng*, Luận án Tiến sĩ Địa lý Địa chất, Trường ĐHKH Tự nhiên, Hà Nội, 1996.
43. Đồng Khánh địa dư chí, bản điện tử do Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin biên soạn, Nxb Thế giới, 2003.
44. Đỗ Bang, *Phố cảng vùng Thuận Quảng thế kỉ 17-18*, Hội khoa học Lịch sử Việt Nam, Nxb Thuận Hóa, Hà Nội, 1996.
45. Đỗ Đình Nghiêm, Ngô Vi Liên, Phạm Văn Thư, *Địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, Nxb Tri thức, 2019.
46. Đỗ Văn Ninh, *Phát hiện tiền cổ tại Phú Yên*, NPHMKCH, 2001.
47. Đỗ Thị Thùy Lan, *Hệ thống cảng thị trên Sông Đàng Ngoài - Lịch sử ngoại thương Việt Nam thế kỉ 17-18*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.
48. Đỗ Trường Giang, *Quan hệ thương mại của vương quốc Champa với các quốc gia trong khu vực (thế kỉ 10 đến cuối thế kỉ 14)*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, 1/2007.
49. Đỗ Trường Giang, *Champa trong mối quan hệ triều cống và thương mại với các vương triều Trung Hoa (thế kỉ 10 - 15)*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, 6/2007.
50. Đỗ Trường Giang, *Sự phát triển của nền hải thương Champa thời kỳ Vijaya (cuối thế kỉ 10 đến cuối thế kỉ 15)*, in trong *Kỷ yếu hội thảo Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỉ 16-17*, Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQGHN, 2007.
51. Đỗ Xuân Trung, *Phát hiện gốm sứ thời Lê Mạc ở thôn Đình Vũ, Hải Phòng*, NPHMKCH, 1978.
52. G.Maspero, *Vương quốc cổ Champa*, 1928, bản dịch của Lê Tư Lành.
53. Georges Coedès, *The Indianized States of Southeast Asia*, 1968, bản dịch *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông, Việt Nam trong quá khứ: tư liệu nước ngoài*, Nxb Thế giới, 2011.
54. Geoff Wade, *An Early Age of Commerce in Southeast Asia, 900-1300 CE*, Journal of Southeast Asian Studies, The National University of Singapore, 2009.
55. Hà Bích Liên, *Quan hệ giữa vương quốc cổ Champa với các nước trong khu vực*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2000.
56. Hà Thị Sương, *Việt Nam trong con đường gốm sứ trên biển (qua cứ liệu khảo cổ học)*, Luận văn Thạc sĩ Khảo cổ học, Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh, 2014.
57. Hà Văn Tấn, *Về tín ngưỡng cột kinh Phật đỉnh Tôn thắng thế kỉ 10*, in trong *Một chặng đường nghiên cứu lịch sử (2001-2006)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
58. Hoàng Văn Khoán, *Tiền cổ kim loại ở Hải Phòng*, Tạp chí Di sản văn hóa vật thể, số 4/2009.
59. Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt*, tập 2, Hà Nội, 1941.

60. Hoàng Thị Diệp, *Về mối quan hệ truyền thống Việt Nam - Ấn Độ*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, 1/2005.
61. Hoàng Anh Tuấn, *Tư liệu các công ty Đông Ấn Hà Lan và Anh về Kê Chợ - Đàng Ngoài thế kỉ 17*, Nxb Hà Nội, 2010.
62. Hoàng Anh Tuấn, *Hải cảng miền Đông Bắc và hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỉ 17 (qua các nguồn tư liệu phương Tây)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1/2007.
63. Hoàng Anh Tuấn, *Gốm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thế kỉ 17*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 11/2007.
64. *Hội thảo khoa học Vị trí và vai trò của Domae trong hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỉ 17*, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Sở Khoa học và Công nghệ Hải Phòng, 7/2007.
65. Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, *Địa chí Hải Phòng*, tập 1, Nxb Hải Phòng, 1990.
66. Hội nghiên cứu Đông Dương, *Chuyến khảo về tỉnh Mỹ Tho (1902)*, Nxb Trẻ, 2019.
67. Hội nghiên cứu Đông Dương, *Chuyến khảo về tỉnh Trà Vinh (1903)*, Nxb Trẻ, 2019.
68. Hội nghiên cứu Đông Dương, *Chuyến khảo về Sóc Trăng*, Nxb Trẻ, 2019.
69. Hồ Khắc Bửu, *Phát hiện về một con tàu chìm chứa cổ vật tại vùng biển Bình Châu*, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, NPHMKCH, 1995.
70. Huỳnh Thị Dung, *Chợ Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa, 2011.
71. Huỳnh Lứa, *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1978.
72. Huỳnh Minh, *Địa linh nhân kiệt - Kiến Hòa xưa và nay (Bến Tre)*, sách sưu khảo, Sài Gòn, 1965.
73. Huỳnh Minh, *Bạc Liêu xưa và nay*, sách sưu khảo, Sài Gòn, 1966.
74. Huỳnh Minh, *Cần Thơ xưa và nay*, sách sưu khảo, Sài Gòn, 1966.
75. Huỳnh Minh, *Vĩnh Long xưa và nay*, sách sưu khảo, Sài Gòn, 1967.
76. Huỳnh Minh, *Định Tường xưa và nay*, sách sưu khảo, Sài Gòn, 1967.
77. Huỳnh Minh, *Kiến Giang xưa và nay*, sách sưu khảo, Sài Gòn, 1967.
78. Huỳnh Minh, *Gò Công xưa và nay*, sách sưu khảo, Sài Gòn, 1969.
79. Huỳnh Minh, *Vũng Tàu xưa và nay*, sách sưu khảo, Sài Gòn, 1970.
80. Huỳnh Minh, *Sa Đéc xưa và nay*, sách sưu khảo, Sài Gòn, 1971.
81. Huỳnh Minh, *Gia Định xưa và nay*, sách sưu khảo, Sài Gòn, 1973.
82. Huỳnh Minh, *Nghê Văn Lương, Cà Mau xưa*, sách biên khảo, Nxb Thanh Niên, 2003.
83. Huỳnh Ngọc Trảng, *Lịch sử và văn hóa Cù Lao Phố*, Bảo tàng Đồng Nai, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 2007.

84. Huỳnh Văn Mỹ, *Hát với Thu Bồn*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2004.
85. Huỳnh Công Bá, *Lịch sử Văn hóa Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, 2008.
86. Henri Maitre, *Rừng người Thượng - Vùng rừng núi cao nguyên miền Trung Việt Nam*, Lưu Đình Tuấn dịch, Nguyễn Ngọc hiệu đính, Nxb Tri thức, Hà Nội, 2007.
87. Henri Cucherousset, *Xứ Bắc Kỳ ngày nay*, bản dịch của Trần Văn Quang, Hà Nội, 1924.
88. Hung Hsiao-chun, Nguyễn Kim Dung, Peter Bellwood, Mike T.Carson, *Coastal connectivity: Long-term trading networks across the South China Sea*, The Journal of Island and Coastal Archaeology, 2013.
89. Ikuta Shikeru, *Vai trò của các cảng thị ở vùng biển Đông Nam Á từ thế kỉ 2 TCN đến đầu thế kỉ 19*, in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Đô thị cổ Hội An*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.
90. John Barrow, *A voyage to Cochinchina in the year 1792-1793*, bản dịch *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)* của Nguyễn Thừa Hỷ, Nxb Thế giới, 2018.
91. Julia Martinez, *Chinese Rice Trade and Shipping from the North Vietnamese Port of Hải Phòng (Việc mua bán gạo và vận tải đường biển của người Hoa từ hải cảng Hải Phòng, Bắc Việt)*, Ngô Bắc dịch, Chinese Southern Diaspora Studies, Volume 1, 2007, các trang 82-96, www.gio-o.com.
92. *Kỷ yếu hội thảo khoa học Văn hóa biển đảo, bảo vệ và phát huy giá trị*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2015.
93. *Kỷ yếu hội thảo khoa học Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỉ 16-17*, Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQGHN, 2007.
94. *Kỷ yếu hội thảo khoa học Khảo cổ học biển đảo Việt Nam - tiềm năng và triển vọng*, Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQGHN, Trung tâm hỗ trợ nghiên cứu châu Á, 2015.
95. *Kỷ yếu hội thảo khoa học Khảo cổ học dưới nước ở Việt Nam và Đông Nam Á: hợp tác để phát triển*, Quảng Ngãi, 2014.
96. *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Khảo cổ học Việt Nam - Lào - Campuchia trong tiểu vùng Mê Kông*, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam - Viện Khảo cổ học, Tam Đảo, 2015.
97. *Kỷ yếu hội thảo khoa học Phố Hiến*, Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Hưng, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Sở Văn hóa Thông tin Thể thao, Hải Hưng, 1994.
98. *Kỷ yếu hội thảo khoa học Đô thị Quảng Yên, truyền thống & định hướng phát triển*, Nxb Thế giới, 2011.
99. *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Hệ thống thương cảng Miền Trung với con đường tơ lụa trên biển - Vai trò và các mối quan hệ*, Hội An, 2017.
100. *Kỷ yếu hội thảo khoa học Thăng Long thời Lê Trịnh*, Viện khoa học xã hội Việt Nam, Nxb Từ điển Bách khoa, 2012.
101. *Kỷ yếu Văn hóa Ốc Eo và vương quốc Phù Nam, Hội thảo khoa học nhân 60 năm phát hiện văn hóa Ốc Eo (1944 - 2004)*, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Nxb Thế giới, 2008.

102. Kỳ Phương - Vũ Hữu Minh, *Cửa Đại Chiêm thời Vương quốc Champa thế kỉ 4 - 15*, in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Đô thị cổ Hội An*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.
103. Kenneth R. Hall, *A history of Early Southeast Asia, Maritime Trade and Societal Development, 100-1500*, Rowman & Littlefield Publishers, Inc, 2011.
104. Lê Quý Đôn, *Phủ Biên tạp lục*, bản dịch của Ngô Lập Chí, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1959. Bản điện tử 2009.
105. Lê Quý Đôn, *Văn Đai loại ngữ*, bản dịch của Trần Văn Giáp, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2006.
106. Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978.
107. Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Nxb Thuận Hóa, 2005.
108. Lê Tắc, *An Nam chí lược*, Nxb Viện Đại học Huế, 1961.
109. Lê Bá Thảo, *Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lý*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 1998.
110. Lâm Minh Châu, *Quan hệ kinh tế của triều Nguyễn với Chân Lạp hồi nửa đầu thế kỉ 19*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 8/2007.
111. Lê Tượng, Vũ Kim Biên, *Lịch sử Vĩnh Phú*, Ty Văn hóa và Thông tin Vĩnh Phú xuất bản, 1980.
112. Lê Huyền, *Tìm hiểu đồ sơn thế kỉ 17-19 ở đồng bằng Bắc Bộ*, Luận án phó Tiến sĩ khoa học Lịch sử, Viện Khảo cổ học, Hà Nội, 1991.
113. Lê Xuân Diệm - Đào Linh Côn - Võ Sĩ Khải, *Văn hóa Óc Eo những khám phá mới*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995.
114. Lê Xuân Diệm, *Quá trình hình thành châu thổ sông Cửu Long (tiếp cận từ địa sử học và thư tịch học)*, in trong *Kỷ yếu Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam*, 2008.
115. Lê Văn Năm, *Sản xuất hàng hóa và thương nghiệp ở Nam Bộ thế kỉ 17-19*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 1988.
116. Lê Thị Khánh Ly, *Quan hệ của vương quốc Ryukyu với các quốc gia Đông Á thế kỉ 15-19*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, ĐHKHXHNV-ĐHQGHN, Hà Nội, 2015.
117. Lê Tượng - Vũ Kim Biên, *Lịch sử Vĩnh Phú*, Ty Văn hóa và Thông tin Vĩnh Phú xuất bản, 1980.
118. Lương Ninh, *Các di tích và vấn đề lịch sử Nam Châm*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 1999.
119. Lương Ninh, *Vương quốc Phù Nam lịch sử và văn hóa*, Viện Văn hóa, Nxb Văn hóa Thông tin, 2005.
120. Lương Ninh, *Nước Phù Nam - Một thế kỉ nghiên cứu*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3 (322), 2002.
121. Lương Ninh, *Óc Eo - cảng thị quốc tế của vương quốc Phù Nam*, Tạp chí Khảo cổ học, số 3/2011.
122. Lý Xuân Chung, *Tiếp xúc giao lưu văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc thời Trung Đại: Những thành tựu nghiên cứu mới*, Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc Á, số 4 (86), 4/2008.

123. Lưu Trang, *Tổ chức bang giao của triều Nguyễn với các nước phương Tây ở Đà Nẵng*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4/2011.
124. Lâm Thị Mỹ Dung, Sa Huỳnh - Lâm Ấp - Champa từ thế kỉ 5 TCN đến thế kỉ 5 SCN, một số vấn đề khảo cổ học, NXB Thế giới, Hà Nội, 2017.
125. Lâm Mỹ Dung, Nguyễn Xuân Mạnh, Hoàng Anh Tuấn, *Di chỉ khảo cổ ở Nam Thổ Sơn (Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng)*.
126. Lâm Thị Mỹ Dung, *Những thương cảng cổ ở miền Trung và miền Nam Việt Nam với con đường tơ lụa trên biển*, in trong Hội thảo khoa học *Hệ thống thương cảng miền Trung với con đường tơ lụa trên biển - vai trò và các mối quan hệ*, Hội An, 2017.
127. Lâm Mỹ Dung, *Cù Lao Chàm: một vùng đất cổ*, in trong *Kỷ yếu Cù Lao Chàm - Vị thế, tiềm năng và triển vọng*, Hội An, 2007.
128. Lâm Mỹ Dung, Hồ Tấn Cường, Trần Văn An, *Kết quả thám sát địa điểm Bãi Láng (Cù Lao Chàm, Quảng Nam)*, NPHMKCH 1998.
129. Lục Đức Thuận, Võ Quốc Kỳ, *Tiền cổ Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2009.
130. Li Tana, *Ngoại thương của Việt Nam thế kỉ 19: quan hệ với Singapore*, in trong *Việt Nam học - Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ nhất*.
131. Li Tana, *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỉ 17 - 18*, Nguyễn Nghị dịch, NXB Trẻ, tái bản lần thứ 2, Tp. Hồ Chí Minh, 2014.
132. Li Tana, Nola Cooke, Jame Anderson, *The Tongkin Gulf Through History*, University of Pennsylvania, 2011.
133. Li Tana, *A View from the Sea: Perspectives on the Northern and Central Vietnam Coast*, Journal of Southeast Asian Studies, 2006.
134. Liu Zhiqiang, *Cultural exchange among Hepu, Qinzhou and Vietnam, in workshop "A mini Mediterranean Sea: Gulf of Tongking through History"*, Nanning, 2008.
135. Mặc Nhân TVC, *Mỹ Tho xưa 1861-1945 trong Nam Kỳ Lục Tỉnh*, 2009.
136. Momoki Shiro, *Đại Việt và thương mại ở biển Đông từ thế kỉ 10 đến thế kỉ 15*, Tạp chí khoa học Đại học KHXH&NV-ĐHQGHN, T.XIX, số 3-4, 2003.
137. M.G. Dumoutier, *Étude sur un portulan Annamite du XV siècle (Nghiên cứu dựa trên bản đồ hải cảng Việt Nam thế kỉ 15)*, Tài liệu dịch tiếng Pháp lưu tại thư viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, 1896.
138. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch của Viện KHXHVN, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993. Bản điện tử của Lê Bắc, 2001.
139. Ngô Văn Doanh, *Đô thị cổ ở Đông Nam Á - Thời kì đô thị hóa đầu tiên*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, 2/2010.

140. Ngô Văn Doanh, *Văn hóa cổ Champa*, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Nxb Văn hóa Dân tộc, 2002.
141. Ngô Văn Doanh, *Thành Hồ của ngỗ châu Thượng Nguyên - Tây Nguyên của Vương quốc Champa*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3/2001.
142. Ngô Văn Doanh, *Những ảnh hưởng của Ấn Độ đến đời sống chính trị xã hội Đông Nam Á thời cổ*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 1/2011.
143. Nguyễn Trãi toàn tập, *Dur địa chí*, bản dịch của Hoàng Khôi, Nxb Văn hóa Thông tin, 1970.
144. Nguyễn Văn Kim, *Đông Á và Đông Nam Á: những vấn đề lịch sử và hiện tại*, Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQGHN, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2004.
145. Nguyễn Văn Kim, *Người Việt với biển*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2011.
146. Nguyễn Văn Kim, *Biển Việt Nam và các mối giao thương biển*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019.
147. Nguyễn Văn Kim, *Việt Nam trong thế giới Đông Á - một cách tiếp cận liên ngành và khu vực học*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
148. Nguyễn Văn Kim, *Mạng lưới giao thương Đông Á trước thời đại mở cửa và những hệ quả phát triển - Trường hợp Hội An*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 3(97), 3/2009.
149. Nguyễn Văn Kim - Nguyễn Mạnh Dũng, *Việt Nam truyền thống kinh tế - văn hóa biển*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015.
150. Nguyễn Văn Kim, *Văn Đồn - Thương cảng quốc tế của Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.
151. Nguyễn Văn Kim, *Vị trí của Phố Hiến và Domea trong hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỉ 16-17*, in trong *Vị trí và vai trò của Domea trong hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỉ 17*, Hải Phòng, 2007.
152. Nguyễn Văn Kim, *Các thương cảng vùng Nghệ - Tĩnh và giao thương khu vực thế kỉ 11-14*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 12/2012, tr. 3-19.
153. Nguyễn Văn Kim, *Các nguồn hàng và thương phẩm của Đàng Trong*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4/2011, tr. 3-17.
154. Nguyễn Văn Kim, *Vùng đất Nam Bộ - Từ thế kỉ 7 đến thế kỉ 16*, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2017.
155. Nguyễn Văn Kim, *Ốc Eo - Phù Nam vị thế lịch sử và các mối quan hệ*, in trong *Kỷ yếu Văn hóa Ốc Eo và vương quốc Phù Nam*, 2008.
156. Nguyễn Quang Ngọc, *Vùng đất Nam Bộ - Từ đầu thế kỉ 17 đến giữa thế kỉ 19*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017.
157. Nguyễn Quang Ngọc, *Domea cảng cửa khẩu ở vùng cửa sông Đàng Ngoài*, in trong *Vị trí và vai trò của Domea trong hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỉ 17*, Hải Phòng, 2007.
158. Nguyễn Quang Ngọc, Phan Đăng Long, Nguyễn Văn Sơn, Phan Đăng Thuận, *Vương triều Mạc với sự nghiệp canh tân đất nước*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015.

159. Nguyễn Quang Ngọc, Đặng Thị Văn Chi, *Phái chưởng Gia Viên là làng gốc của Hải Phòng*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử Hải Phòng, số 3/1985.
160. Nguyễn Quang Hồng, Đào Tam Tĩnh, *Những phát hiện bước đầu về các loại tiền cổ ở lưu vực sông Lam*, NPHMKCH 1999.
161. Nguyễn Đình Chiến, *Mối quan hệ giữa Champa và Nam Trung Hoa qua nghiên cứu đồ gốm sứ tàu cổ Bình Châu (Quảng Ngãi)*, Thông báo khoa học Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, số 2/2017.
162. Nguyễn Đình Chiến, Phạm Quốc Quân, *Gốm sứ trong năm con tàu cổ ở vùng biển Việt Nam*, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, 2008.
163. Nguyễn Thừa Hỷ, *Kinh tế xã hội Thăng Long thế kỉ 17-18-19*, Hội Sử học Việt Nam, 1993.
164. Nguyễn Thừa Hỷ, *Những thương nhân Hà Lan đầu tiên đến Đàng Ngoài và Kê Chợ năm 1637*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4/2009, tr.68-79 & số 5/2009, tr.57-66.
165. Nguyễn Thừa Hỷ, Đỗ Bang, Nguyễn Văn Đăng, *Đô thị Việt Nam dưới thời Nguyễn*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1999.
166. Nguyễn Hữu Tâm, *Khái quát về Phù Nam Chân Lạp qua ghi chép của thư tịch cổ Trung Quốc (Tấn thư, Tống thư, Nam Tề thư, Lương thư, Nam sử, Tân Đường thư, Thái Bình hoàn vũ kí,...)*, in trong Kỷ yếu Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam, 2008.
167. Nguyễn Ôn Ngọc, *Nam Định tỉnh địa dư chí*, 1893.
168. Nguyễn Văn Mạnh, *Văn hóa Champa ở Quảng Bình - tiềm năng và giải pháp phát triển du lịch*, Tạp chí Thông tin Khoa học & Công nghệ Quảng Bình, số 2/2015.
169. Nguyễn Thị Phương Chi, Nguyễn Tiến Dũng, *Về các mối giao thương của quốc gia Đại Việt thời Lý, Trần (thế kỉ 11-14)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 7/2007, tr.23-37.
170. Nguyễn Thị Phương Chi, *Quan hệ giữa Đại Việt với Chăm-pa thời Trần (thế kỉ 13-14)*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 8/2007.
171. Nguyễn Tiến Dũng, *Quan hệ thương mại của Đại Việt và Java thế kỉ 11-14*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 7/2009.
172. Nguyễn Tiến Dũng, *Quan hệ của Đại Việt và Chân Lạp thế kỉ 11-16*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 11/2010.
173. Nguyễn Nhật Linh, *Thương nhân Hồi giáo và quan hệ thương mại giữa Đông Nam Á và Tây Á thế kỉ 15-17*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, 6/2007.
174. Nguyễn Thị Bích Hương, *Hạt chuỗi - một sản phẩm trong mạng lưới thương mại biển miền Trung Việt Nam và thế giới thời kỳ Tiền Sơ sử*, in trong Hội thảo khoa học Hệ thống thương cảng miền Trung với con đường tơ lụa trên biển - vai trò và các mối quan hệ, Hội An, 2017.
175. Nguyễn Kim Dung, *Văn hóa Sa Huỳnh với mạng thương mại thời cổ*, Hội thảo đề tài cấp Bộ "Tiếp xúc và giao lưu của văn hóa Sa Huỳnh", Viện Khảo cổ học, Hà Nội, 2007.

197. Phan Huy Lê, *Vùng đất Nam Bộ - quá trình hình thành và phát triển*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017.
198. Phan Thanh Hải, *Quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản thế kỉ 16-17 nhìn từ 35 bức văn thư ngoại giao*, in trong *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỉ 16-17*, Nxb Thế giới, 2007.
199. Phạm Đình Thọ, *Đảo Tuần Châu - một trung tâm giao lưu kinh tế thời Lý* - Trần, NPHMKCH, 1998.
200. Phạm Văn Đẩu, Bùi Thị Lý, *Về khu di tích gốm sứ mới phát hiện ở tp. Thanh Hóa*, NPHMKCH, 1997.
201. Phạm Quốc Quân, *Ghi chép về Châu Thuận Biển*, Tạp chí Di sản văn hóa vật thể, 2016.
202. Phương Đình Nguyễn Văn Siêu, *Đại Việt địa dư toàn biên*, Viện Sử học, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1997.
203. Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong 1558-1777*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1967.
204. Phạm Đức Hành, *Lịch sử kênh đào Nam Bộ thời nhà Nguyễn từ thế kỉ 18 đến giữa thế kỉ 19*, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2009.
205. Phạm Thận Duật, *Hưng Hóa địa dư chí*.
206. Paul Pelliot, *Le Phu Nam (Nước Phù Nam) (1903)*, người dịch Lê Thuộc, Tài liệu dịch tiếng Pháp lưu tại thư viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Hà Nội, 2005.
207. Peter Burns & Roxanna M. Brown, *Quan hệ ngoại giao Chăm - Philippine thế kỉ 11*, in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Đô thị cổ Hội An*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.
208. Pierre Yves Manguin, *Những người Bò Đào Nha trên bờ biển Việt Nam và Chiêm Thành*, người dịch Đào Trọng Lũy, Nxb Trường Bác Cổ Viễn Đông, Paris 1972, tập 1, thư viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia TL/130.
209. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006.
210. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Viện Sử học, Nxb Giáo dục, 2001.
211. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục*, Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998. Bản điện tử của Lê Bắc, 2001.
212. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Quốc triều chính biên toát yếu*, Nxb Thuận Hóa, 1908.
213. R. Morineau, *Souvenir historiques en Aval de Bao Vinh; phố Lở Minh Hương et les maisons de Vannier et de Se Forsans*, in trong *Những người bạn cố đô Huế* - BAVH, 1920.
214. Rumanet du Caillaud, *Histoire de l'intervention française au Tonkin de 1872-1874*, Challamel, Paris, 1880.
215. Sơn Nam, *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2014.
216. Sơn Nam, *Sài Gòn xưa - Ấn tượng 300 năm & Tiếp cận với đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2014.
217. Samuel Baron, *Mô tả vương quốc Đàng Ngoài (A description of the Kingdom of Tonqueen)*, bản dịch của Hoàng Anh Tuấn, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2019.

218. Trần Thị Mai, *Lịch sử bang giao Việt Nam - Đông Nam Á*, Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2007.
219. Trần Thị Mai, *Vị trí và vị thế của Nam Bộ thế kỉ 17-19, Kỳ yếu hội thảo Văn hoá phi vật thể của người Việt miền Tây Nam Bộ*, 2010.
220. Trần Quốc Vượng, *Theo dòng lịch sử - Những vùng đất, thần và tâm thức người Việt*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1996.
221. Trần Quốc Vượng, *Việt Nam cái nhìn địa - văn hóa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 1998.
222. Trần Quốc Vượng, *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn hóa dân tộc, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 2000.
223. Trần Quốc Vượng & Cao Xuân Phổ, *Biển với người Việt cổ*, Viện Đông Nam Á, Nxb Văn hóa Thông tin, 1996.
224. Trần Quốc Vượng, *Chiếm cảng Hội An với cái nhìn về biển của người Chăm và người Việt*, in trong *Kỳ yếu Hội nghị khoa học về Khu phố cổ Hội An*, 1985.
225. Trần Quốc Vượng, *Về địa điểm Văn Đồn*, in trong *Di tích lịch sử văn hóa thương cảng Văn Đồn*, Ban Quản lý các di tích trọng điểm Quảng Ninh, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2010.
226. Trần Kỳ Phương, Vũ Hữu Minh, *Cửa Đại Chiêm thời vương quốc Champa thế kỉ 4-15*, in trong *Đô thị cổ Hội An*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.
227. Trần Kỳ Phương, *Bước đầu xác định danh hiệu các tiểu vương quốc thuộc miền Bắc vương quốc cổ Chiêm Thành tại miền Trung Việt Nam khoảng thế kỉ 11-15*, tiểu luận Viện nghiên cứu châu Á, ĐHQG Singapore, 2004.
228. Trần Phương, Nguyễn Phương, *Toàn Thắng mùa điền dã 1993*, NPHMKCH, 1994.
229. Nguyễn Việt, Nishimura, Andreas Reinecke, Lâm Dzu Xênh, *Khai quật và phục dựng hai tàu đắm Bình Châu (Quảng Ngãi) thế kỉ 8-9 và 13-14*, Trung tâm tiền sử Đông Nam Á, 2013.
230. Thành Thế Vi, *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỉ 17,18 và đầu 19*, Nxb Sử học, Hà Nội, 1961.
231. Thành ủy Nam Định, *Thành Nam địa danh và giai thoại*, Nxb Văn hóa Dân tộc, 2012.
232. Thái Vũ, Trần Đình Hiếu, *Xứ Ròn - Di Luân, thời gian và lịch sử địa chí kí sự*, Nxb tp. Hồ Chí Minh, 1999.
233. Trần Đức Cường, *Vùng đất Nam Bộ thời kì vương quốc Phù Nam*, in trong *Kỳ yếu Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2008.
234. Trần Đăng Ngọc, *Vài nét về kinh đô Hoa Lư thế kỉ 10 - những vấn đề lịch sử*, Hà Nội, 1984.

235. Trần Đức Thanh, Đinh Văn Huy, Nguyễn Cẩn, Đặng Đức Nga, *Đặc điểm phát triển bờ và dao động mực nước biển Holocene ở khu vực Hải Phòng*, in trong *Một thế kỉ khảo cổ học*, tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, 2004.
236. Thái Thị Hoàn, *Thị tứ Vĩnh Diêm - Trung tâm giao thương quốc tế đầu tiên ở khu vực Nha Trang thế kỉ 18-19*.
237. Trần Thị Thái Hà, *Từ hành cung Tức Mặc - Thiên Trường đến đô thị Vị Hoàng (thế kỉ 13-19)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012.
238. Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Viện Đại học Huế, Ủy ban phiên dịch Sử liệu Việt Nam, 1963.
239. Trương Minh Đạt, *Nghiên cứu Hà Tiên*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2008.
240. Trần Nghĩa, *Một bức kí họa về xã hội nước ta thời Trần - Bài thơ "An Nam tức sự" của Trần Phu*, Tạp chí Văn học, số 1/1972.
241. Trần Việt Nhân, *Lịch sử hình thành và phát triển của thương cảng Hà Tiên (thế kỉ 17-19)*, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
242. Trần Nam Tiến, *Quan hệ giữa chúa Nguyễn với Bồ Đào Nha ở Đàng Trong (từ thế kỉ 16 đến thế kỉ 17)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 7/2012.
243. Trần Nam Tiến, *Quá trình khai phá vùng đất Bà Rịa - Vũng Tàu (từ thế kỉ 17 đến nửa đầu thế kỉ 19)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5/2005.
244. Trương Minh Hằng, *Gốm thương mại Việt Nam trong hành trình mậu dịch gốm sứ Châu Á*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, 1/2005.
245. Trương Đức Chiến, *Quá trình chiếm lĩnh vùng ngập mặn Đông Nam Bộ thời tiền - sơ sử*, Thông báo Khoa học (1), Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, 2016.
246. Trịnh Cao Tường, *Nghiên cứu khảo cổ học một số thương cảng cổ vùng biển miền Bắc Việt Nam từ thế kỷ 9-17*, Đề tài khoa học cấp Ủy ban - Viện Khảo cổ học, 2002.
247. Trịnh Cao Tường, *Bước đầu tìm hiểu đồ gốm nước ngoài phát hiện ở các thương cảng cổ Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 5/1996.
248. Trịnh Cao Tường, *Một chặng đường tìm về quá khứ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007.
249. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Bản dịch của Lý Việt Dũng, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 2004.
250. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, tập Trung, bản dịch của Tu trai Nguyễn Tào, Nha Văn hóa, 1972.
251. Trần Bá Chí, *Tài liệu Hán Nhật Bản về buôn bán với Đại Việt thế kỉ 16-18*, Thông báo Hán Nôm học, 1998.
252. Trần Bá Chí, *Khảo tá về khu phố cổ Phù Thạch*, NPHMKCH, 1992.

253. Tưởng Quốc Học, Dương Văn Huy, *Đàng Trong Việt Nam trong tuyến thương mại Trung Quốc - Nhật Bản từ 1635-1771: nhìn từ góc độ hoạt động thương mại của các Hoa thương*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, 5/2008.
254. Thạch Phương, Đoàn Từ, *Địa chí Bến Tre*, Nxb Khoa học xã hội, 1991.
255. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, *Địa chí Quảng Ngãi*, Nxb Từ điển Bách Khoa, 2010.
256. Viện Sử học, *Đô thị cổ Việt Nam*, Ủy Ban khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, 1989.
257. *Việt sử lược*, Nxb Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2005.
258. Võ Sĩ Khải, *Đất Gia Định 10 thế kỉ đầu Công nguyên*, in trong *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.
259. Võ Sĩ Khải, *Văn hóa Óc Eo 60 năm nhìn lại*, in trong *Kỷ yếu Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam*, 2008.
260. Vũ Quốc Hiền, Lê Văn Chiến, *Khai quật di tích Giồng Lớn (Long Sơn, Vũng Tàu) năm 2005*, Thông báo khoa học, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, 2006.
261. Vương Hồng Sển, *Sài Gòn năm xưa*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 2004.
262. Vũ Minh Giang, Nguyễn Việt, *Vùng đất Nam Bộ - Từ cội nguồn đến thế kỉ 7*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017.
263. Vũ Duy Trinh, *Sưu tập gốm sứ cổ phát hiện tại vùng thương cảng hệ thống sông Lạch Trường (Thanh Hóa)*, NPHMKCH, 1997.
264. Vũ Đường Luân, *Quá trình hình thành cảng thị Hải Phòng (từ khởi nguồn đến năm 1888)*, Luận văn Thạc sĩ khoa học lịch sử, Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQGHN, 2009.
265. Vũ Đường Luân, *Dấu tích cảng bến thương mại và đặc điểm kinh tế, tín ngưỡng vùng hạ lưu sông Thái Bình thế kỉ 17-18*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5/2008.
266. Vũ Thị Xuyên, *Chợ Cam Lộ trong tuyến thương mại Đàng Trong và Khu vực thế kỉ 16-18*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, tập 31, số 5, 2015.
267. Vũ Thế Dinh, *Hà Tiên Trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả*, Nguyễn Văn Nguyên dịch và chú thích, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2006.
268. Vũ Ngọc Khôi, *Biển Việt-Đảo Việt*, Nxb Thế giới, 2015.
269. Viện Hải dương học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, *Đặc điểm địa mạo vịnh Nha Trang và khu lân cận*, Tuyển tập nghiên cứu biển, 2015.
270. Yến Thọ, *Thương cảng Cửa Việt trong lịch sử nhìn từ làng Phú/Phó Hội*, Tạp chí Cửa Việt số 196, 2011.
271. Yến Thọ, *Các trục sông thiêng vùng Quảng Trị dưới thời Champa*, Tạp chí Cửa Việt số 269, 2017.
272. Yamamoto Tatsuro, *Annam no boeki ko Vandon*, Toho Gakugo, 1939.

273. Yoji Aoyagi, *Đồ gốm đảo được ở vùng quần đảo Đông Nam Á*, in trong *Kỷ yếu Đô thị cổ Hội An*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.
274. Yoji Aoyagi, *Khai quật khu lò Gò Sành - đồ gốm Chăm trong lịch sử của con đường tơ lụa trên biển*, in trong *Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam*, tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005.
275. Yoji Aoyagi, *Sản xuất và buôn bán đồ gốm ở vương quốc Champa trong thế kỉ 15-16*, in trong *Việt Nam học - Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ nhất*, 1998.
276. William Dampier, *Voyages and Discoveries*, bản dịch *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2006.
277. William Dampier, *A new voyage round the world*, chapter 14, Printed for James Knapton, at the Crown in St Paul's Church-yard, London, 1697.
278. William J. Bernstein, *Lịch sử giao thương - thương mại định hình thế giới như thế nào (A splendid exchange how trade shaped the world)*, Ngọc Mai dịch, Nxb Thế giới, 2017.